

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026)**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX Thanh Hóa công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II (6 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng doanh thu	890,467	566,599	254,84	152,83
1	Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ	713,232	392,371	55,01	204,43
	Thu lãi cho vay	713,232	392,371		
	Các khoản nợ phải thu (lãi vay)	0			
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	114,705	108,328	94,44	65,94
	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	114,705	108,328		
3	Thu nhập khác	62,53	65,900	105,4	453,54
	Thu từ quỹ dự phòng rủi ro	62,53	65,900		
	Thu khác	0			
B	Tổng chi phí	814,555667	230,951	28,4	108,68
	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	814,555667	230,951	28,4	108,68
I	Nguồn ngân sách trong nước	814,555667	230,951	28,4	108,68
1	Chi hoạt động nghiệp vụ	299,6	26,935	9,0	
a	Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay và thu nợ	49,6	22,060		
	Chi phụ cấp lưu trú cho cán bộ kiểm tra vốn vay (31 dự án x 200.000đ/người x 01 người)	6,2			
	Chi phụ cấp lưu trú cho cán bộ đi thẩm định dự án vay vốn (HTX: 200.000đ/người/dự án x 31 dự án x 02 người)	12,4	7,960		
	Khoản xăng xe cho cán bộ đi thẩm định dự án vay vốn, kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay: TB cả đi + về: 100km x 0,2lit/km x 25.000đ/lit x 31 dự án x 2 người	31	14,100		
b	Chi dự phòng rủi ro cho vay	250	4,875	2,0	2,94
2	Chi phí quản lý	484,955667	196,499	40,5	417,37
a	Chi về tài sản: Khấu hao, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản	7,491667	1,000	13,3	
	Chi khấu hao tài sản cố định	5,491667			
	Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	2	1,000		
b	Chi mua sắm công cụ dụng cụ	5			
c	Chi cho người quản lý, người lao động	371,664	165,991	44,661667	

	Chi phí lương, các khoản phải nộp theo lương của người quản lý (Dự kiến chi lương theo Cty TNHH một thành viên)	218,0928	102,664		
	Chi phí lương, các khoản phải nộp theo lương của người lao động (Dự kiến chi lương theo Cty TNHH một thành viên)	135,5712	63,327		
	Chi trang phục: 9 người x 2trđ/người/năm	18			
d	Chi cho hoạt động quản lý và công vụ	90,8	29,5072	32,496916	278,3698113
	Chi điện nước, điện thoại, internet, văn phòng phẩm, vật liệu	15	3,745		
	Chi công tác phí cho Ban quản lý đi kiểm tra tình hình sử dụng vốn của các dự án: 3 người x 200.000đ/người/ngày x 10 ngày	6			
	Chi thuê xe cho Ban quản lý Quỹ đi kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của các dự án: 10 ngày x 2trđ/ngày	20	1,300		
	Chi CTP cho cán bộ Quỹ đi công tác do Liên minh HTX Việt Nam, Liên minh HTX Thanh Hóa tổ chức liên quan đến Quỹ Hỗ trợ (4 người x 2 ngày x 200.000đ/ngày)	1,6			
	Chi tiền ngủ cho cán bộ Quỹ đi công tác do Liên minh HTX Việt Nam, Liên minh HTX Thanh Hóa tổ chức liên quan đến Quỹ Hỗ trợ (4 người x 02 đêm x 450.000đ/đêm/người)	3,6			
	Chi tiền thuê xe cho cán bộ Quỹ đi công tác do Liên minh HTX Việt Nam, Liên minh HTX Thanh Hóa tổ chức liên quan đến Quỹ Hỗ trợ (2 ngày x 5.000.000đ/ngày)	10			
	Chi tư vấn, thuê chuyên gia, công tác viên, nghiên cứu khoa học liên quan đến các dự án nợ xấu	5			
	Chi dịch vụ thanh toán, chuyển tiền	8	2,235		
	Chi phí tài chính		0,627		
	Chi kiểm toán	21,6	21,600		
đ	Chi phí quản lý khác	10			
	Chi tiếp khách	10			
3	Chi tham gia các hoạt động do Liên minh hợp tác xã các cấp tổ chức liên quan đến hoạt động của Quỹ hợp tác xã	20			
4	Chi phí khác	10	7,518		
C	Kết quả tài chính trước thuế	75,911468			
D	Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển	32,740	9,350	28,558	
1	Mua máy tính để bàn (01 bộ x 14.500.000đ/bộ)	14,500	9,350		
2	Mua máy in canon (in 02 mặt: 01 cái x 7.650.000đ/cái)	7,650			
3	Mua máy in canon (in 02 mặt: 01 cái x 3.890.000đ/cái)	3,890			
4	Mua máy in canon (in 01 mặt: 01 cái x 3.250.000đ/cái)	3,250			
5	Mua tủ đựng tài liệu: 01 cái x 3.450.000đ/cái	3,450			

Ngày 10 tháng 7 năm 2026

Giám đốc
(Chữ ký, dấu)
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
HỢP TÁC XÃ
THANH HÓA
Nguyễn Thị Hoa